



Phiếu Nhận Thông tin Chi tiết Dịch vụ – Vui lòng In rõ (Service Insights Intake Form – Please Print Clearly) Ngày (Date): _____

Các câu hỏi bắt buộc ***in đậm** (Required Questions are ***bold**)

* Tên (First name): _____		* Họ (Last name): _____		
* Ngày sinh (Date of Birth): ____/____/____ (ngày/tháng/năm [mm/dd/yyyy])		HOẶC (OR) Tuổi (Age): _____		
* Địa chỉ (Address): _____		Địa chỉ (Dòng 2) [Address (Line 2)]: _____		
* Thành phố (City): _____		* Tiểu bang (State): _____	* Mã bưu chính (Zip code): _____	
* Quận (County): _____				
☐ Không có địa chỉ cố định (No fixed address)				
Địa chỉ Email (Email Address): _____		* Số điện thoại (Phone number): _____		
☐ Đồng ý liên hệ qua email (Ok to contact via email)		☐ Đồng ý liên hệ qua điện thoại (Ok to contact via phone)		
Bạn ưu tiên hình thức liên hệ nào? (What method of communication do you prefer?)		☐ Không điện thoại (No phone)		
☐ Nhắn tin (Text) ☐ Gọi điện (Call) ☐ Email				
* THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH - Cung cấp thông tin dưới đây đối với tất cả các thành viên khác trong hộ gia đình (*HOUSEHOLD MEMBERS - Provide the following information for all other members living in the household)				
* Tên (First Name)	* Họ (Last Name)	* Ngày sinh (Tháng/Ngày/Năm) HOẶC Tuổi (Date of Birth (Month/Day/Year) OR Age)	Giới tính (Gender)	Chủng tộc (Ethnicity)
Ủy quyền: Có ai khác có thể nhận thực phẩm cho bạn không? (Proxy: Is there someone else who may pick up food for you?)				
Tên (First name): _____		Họ (Last name): _____		Số điện thoại (Phone number): _____
* Có ai trong hộ gia đình của bạn hiện đang nhận SNAP, hay còn gọi là phiếu thực phẩm không? (Is anyone in your household currently receiving SNAP, also known as food stamps?)				
☐ Có (Yes) ☐ Không (No) ☐ Không biết / Không muốn tiết lộ (Don't know / Prefer not to answer)				
<u>Các Chương trình của Chính phủ khác (vui lòng chọn tất cả câu trả lời phù hợp) [Other Government Programs (select all that apply)]</u>		<u>[Các chương trình in đậm tự động được hưởng TEFAP.] ([Bold programs are automatic qualifiers for TEFAP.])</u>		
☐ Trợ cấp TANF hay trợ cấp tiền mặt (TANF or cash assistance)		☐ Chương trình Bảo hiểm Y tế Trẻ em (CHIP) [Children's Health Insurance Program (CHIP)]		
☐ Trợ cấp cho Phụ nữ, Trẻ sơ sinh & Trẻ em (WIC) [Women, Infants, and Children (WIC)]		☐ Bữa ăn miễn phí hoặc giảm giá ở trường (Free/reduced price school meals)		
☐ An sinh Xã hội (Social Security)		☐ Tín dụng Thuế Thu nhập Kiếm được (EITC) hoặc các tín dụng thuế hoàn lại được khác (Earned Income Tax Credit (EITC) or other refundable tax credits)		
☐ Thu nhập An sinh Bổ sung (SSI) [Supplemental Security Income (SSI)]		☐ Chương trình Hỗ trợ Năng lượng cho Gia đình Thu nhập thấp (LIHEAP) [Low Income Home Energy Assistance Program (LIHEAP)]		
☐ Bảo hiểm Khuyết tật An sinh Xã hội (SSDI) hay thanh toán khuyết tật (Social Security Disability Insurance (SSDI) or disability payments)		☐ Thất nghiệp (Unemployment)		
☐ Chương trình Medicare (Medicare)		☐ Bồi thường Lao động (Worker's Compensation)		
☐ Chương trình Medicaid (Medicaid)		☐ Trợ cấp Nhà ở (Housing subsidies)		
		☐ Hỗ trợ Cựu chiến binh (Veteran's Assistance)		
		☐ Chương trình Hàng hóa Thực phẩm Bổ sung (Commodity Supplemental Food Program)		

*Thu nhập Hộ gia đình (Household Income):		
\$_____ mỗi tuần (per week)	HOẶC (OR)	\$_____ mỗi tháng (per month) HOẶC (OR) \$_____ mỗi năm (per year)
Các câu hỏi dưới đây là không bắt buộc và sẽ không ảnh hưởng đến dịch vụ TEFAP của bạn. (The following questions are optional and will not impact your TEFAP service.)		
* Giới tính (Gender):		
☐ Nam (Male)	☐ Nữ (Female)	☐ Chuyển giới (Transgender)
☐ Chuyển giới Nữ (Trans Female/Trans Woman)	☐ Chuyển giới Nam (Trans Male/Trans Man)	☐ Phi nhị nguyên giới (Non-binary)
☐ Không theo tiêu chuẩn giới (Gender non-conforming)	☐ Không phải các lựa chọn trên (None of these)	☐ Không biết / Không muốn tiết lộ (Don't Know / Prefer not to answer)
Chủng tộc / Dân tộc (vui lòng chọn tất cả các đáp án phù hợp) [Race / Ethnicity (choose all that apply)]:		
☐ Người da trắng (White)	☐ Người gốc La tinh hoặc Tây Ban Nha (Hispanic, Latino, or Spanish)	☐ Người Mỹ da đen hoặc gốc Phi (Black or African America)
☐ Người châu Á (Asian)	☐ Người Mỹ da đỏ hoặc người bản địa Alaska (American Indian or Alaska Native)	☐ Trung Đông hoặc Bắc Phi (Middle Eastern or North African)
☐ Người bản địa Hawaii hoặc các đảo khác ở Thái Bình Dương (Native Hawaiian or Other Pacific Islander)	☐ Không biết / Không muốn tiết lộ (Don't Know / Prefer not to answer)	☐ Chủng tộc hoặc dân tộc khác (Some other race or ethnicity)
(Các) Ngôn ngữ Ưu tiên [Preferred Language(s)]:		
☐ Tiếng Anh (English)	☐ Tiếng Ả Rập (Arabic)	
☐ Tiếng Tây Ban Nha (Spanish)	☐ Tiếng Amhara (Amharic)	
☐ Tiếng Hàn (Korean)	☐ Khác (Other): _____	
Bạn có cần dịch vụ dịch thuật không? (Do you need translation services?)		
☐ Có (Yes)	☐ Không (No)	
Tình trạng Quân sự (Military Status):		
Có ai trong gia đình bạn, bao gồm cả bạn, đang phục vụ tại ngũ trong Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ không? (Has anyone in your household, including yourself, served on active duty in the U.S. Armed Forces?)		
Đang phục vụ tại ngũ bao gồm phục vụ trong Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ cũng như làm nhiệm vụ từ Lực lượng Dự bị hoặc Lực lượng Vệ binh Quốc gia. (Active duty includes serving in the U.S. Armed Forces as well as activation from the Reserves or National Guard.)		
☐ Có, đã tại ngũ trong quá khứ, nhưng hiện tại thì không (Yes, on active duty in the past, but not now)	☐ Có, hiện đang tại ngũ (Yes, now on active duty)	
☐ Không, chưa bao giờ tại ngũ ngoại trừ đào tạo ban đầu/cơ bản (No, never on active duty except for initial/basic training)	☐ Không biết / Không muốn tiết lộ (Don't know / Prefer not to answer)	
☐ Không, chưa bao giờ phục vụ trong Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ (No, never served in the U.S. Armed Forces)		
Cân nhắc về Chế độ ăn uống (Dietary Considerations):		
☐ Ít đường/low-carb ("thân thiện với người bệnh tiểu đường") [Low-sugar / low-carb ("diabetes-friendly")]	☐ Ít natri / ít chất béo bão hòa ("tốt cho tim") [Low-sodium / low-saturated fat ("heart healthy")]	☐ Halal
☐ Không chứa gluten (Gluten-free)	☐ Thực phẩm Kosher (Kosher)	☐ Thuần chay (Vegan)
☐ Ăn chay (Vegetarian)	☐ Chế độ ăn đồ mềm / cân nhắc về nha khoa (Soft diet / dental concerns)	☐ Hạn chế / Không có dụng cụ làm bếp (Limited / No cooking equipment)
☐ Chất gây dị ứng thực phẩm (Food allergen): _____	☐ Khác (Other): _____	☐ Không biết / Không muốn tiết lộ (Don't know / Prefer not to answer)
☐ Không có hạn chế gì (No restrictions)		
Lưu ý: bao gồm bất kỳ thông tin nào bạn muốn chúng tôi biết. Ví dụ: "Đang tìm kiếm tã lót." "Chúng tôi cần thực phẩm cho chó" (Notes: include any information you would like us to know. Examples: "Looking for diapers." "We need dog food.")		
CƠ SỞ DỮ LIỆU CAFB CAM KẾT (THE CAFB DATA PROMISE)		
Chúng tôi sẽ xử lý thông tin của bạn cẩn thận và trân trọng. (We will treat you and your information with dignity and respect.)		
Chúng tôi sẽ giữ an toàn và bảo mật thông tin của bạn. (We will keep your information safe and secure.)		
Chúng tôi sẽ chỉ sử dụng thông tin này phục vụ mục đích cung cấp dịch vụ tốt hơn cho bạn. (We will only use this information to provide better services for you.)		